TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **207**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 09 tháng 07 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2024, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Nịnh Văn T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 07 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 07 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Trần Thị L và anh Nịnh Văn T (bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 31/2014, quyển số 01/2013 ngày 29 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nịnh Văn A, sinh ngày 13/6/2014 và cháu Nịnh Xuân N, sinh ngày 26/10/2016 cho anh Nịnh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Nịnh Xuân N 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2024, phương thức cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi cháu Nịnh Xuân N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải tra cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản, đất đai và công nợ chung: Các đương sự xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng chị L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001283 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001268954, ngày 22/05/2024 ký bởi Công ty cổ phần T1.

Anh Nịnh Văn T không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Tuấn Linh